Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3604.90.40

Mã HS	3604.90.40
Mô tả hàng hóa	Pháo hoa, pháo hiệu, pháo mưa, pháo hiệu sương mù và các sản phẩm pháo khác / - Loại khác: / - - Pháo hiệu (SEN)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 14:56:53
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/36049040/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5189
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5189
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5189
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AANZFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AJCEP	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
ATIGA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VCFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VJEPA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AC!E5067
ATIGA	2022	2022	*	AT!E5028
ATIGA	2023	2023	*	AT!F5028
ATIGA	2024	2024	*	AT!G5028
ATIGA	2025	2025	*	AT!H5028
ATIGA	2026	2026	*	AT!I5028
ATIGA	2027	2027	*	AT!J5028
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	AJ!E5072
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	AJ!F5072

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	AJ!G5072
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	AJ!H5072
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	AJ!I5072
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	AJ!J5072
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	VJ!E5070
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	VJ!F5070
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	VJ!G5070
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	VJ!H5070
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	VJ!I5070
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	VJ!J5070
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AK!F5070
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AANZ!H5034
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F5030
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G5030
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H5030
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I5030
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J5030
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K5030
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5039
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5039
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5039
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5039
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5039
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5039
VCFTA	2022	2022	*	VC!D5077
VCFTA	2023	2023	*	VC!E5077

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	*	VC!F5077
VCFTA	2025	2025	*	VC!G5077
VCFTA	2026	2026	*	VC!H5077
VCFTA	2027	2027	*	VC!I5077
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5074
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5074
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5074
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5074
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5074
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5074
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D5082
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E5082
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F5082
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G5082
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H5082
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I5082
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5053
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5053
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5053
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5053
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5053
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5053
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5055
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5055
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5055
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5055

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5055
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5055
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5053
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5053
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5053
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5053
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5053
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5053
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5053
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5074
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5074
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5074
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5074
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5074
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5074
RCEP B	2022	2022	0	B!D5074
RCEP B	2023	2023	0	B!E5074
RCEP B	2024	2024	0	B!F5074
RCEP B	2025	2025	0	B!G5074
RCEP B	2026	2026	0	B!H5074
RCEP B	2027	2027	0	B!I5074
RCEP C	2022	2022	0	C!D5074
RCEP C	2023	2023	0	C!E5074
RCEP C	2024	2024	0	C!F5074
RCEP C	2025	2025	0	C!G5074
RCEP C	2026	2026	0	C!H5074

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5074
RCEP D	2022	2022	0	D!D5074
RCEP D	2023	2023	0	D!E5074
RCEP D	2024	2024	0	D!F5074
RCEP D	2025	2025	0	D!G5074
RCEP D	2026	2026	0	D!H5074
RCEP D	2027	2027	0	D!I5074
RCEP E	2022	2022	0	E!D5077
RCEP E	2023	2023	0	E!E5077
RCEP E	2024	2024	0	E!F5077
RCEP E	2025	2025	0	E!G5077
RCEP E	2026	2026	0	E!H5077
RCEP E	2027	2027	0	E!I5077
RCEP F	2022	2022	0	F!D5074
RCEP F	2023	2023	0	F!E5074
RCEP F	2024	2024	0	F!F5074
RCEP F	2025	2025	0	F!G5074
RCEP F	2026	2026	0	F!H5074
RCEP F	2027	2027	0	F!I5074
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4674
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4674
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4674
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4674

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3604.90 có 4 dòng thuế; dòng 3604.90.40 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Pháo hiệu (SEN).	3604.90.20 Pháo hoa nhỏ và kíp nổ dùng làm đồ chơi; 3604.90.50 Pháo thăng thiên (SEN); 3604.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 3604.90.40 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 3604.90.40	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3604.90.40. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3604.90.40 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5189), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.